TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Thái Nguyên;

Ông Lê Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn M, sinh năm: 1986;
Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Bị đơn: Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1983;
Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2018, bản tự khai, nguyên đơn Lê Văn M trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Phạm Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về mặt kinh tế gia đình; đến tháng 5/2015 thì mâu thuẫn càng trầm trọng, chị T đã dẫn con đi và hai người sống ly thân từ đó đến nay, không còn yêu thương nhau nữa. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Bích T1, sinh ngày 13/02/2015, hiện đang do bị đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu giao con cho bị đơn nuôi, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Văn M và bị đơn Phạm Thị Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Đến tháng 5/2015 thì mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn càng trở nên trầm trọng và hai người đã sống ly thân từ đó đến nay nhưng vẫn không thể khắc phục được. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Bích T1, sinh ngày 13/02/2015. Xét thấy, cháu T1 còn nhỏ và lâu nay ở với bị đơn nên nguyên đơn yêu cầu giao con cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn M được ly hôn với bị đơn Phạm Thị Kim T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Bích T1, sinh ngày 13/02/2015 cho bị đơn Phạm Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lê Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0010740 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa